TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Bê

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn N-Y_NĐ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp MG, xã VKĐ, huyện An Minh, Kiên Giang *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ph-C - Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư Phạm V-C *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thúy K_BĐ, sinh năm 1995. Nơi cư trú cuối cùng: ấp MG, xã VKĐ, huyện An Minh, Kiên Giang *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Y_NĐ và chị K_BĐ kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VKĐ. Vợ chồng sống chung đầm ấm một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8/2013 chị K_BĐ bỏ nhà đi và biệt tích cho đến nay.

Anh Y_NĐ đã yêu cầu tìm kiếm đối với chị K_BĐ nhưng không có kết quả. Anh Y_NĐ yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện An Minh tuyên bố mất tích đối với chị Lê Thị Thúy K_BĐ tại Quyết định số 03/2017/QĐDS-ST ngày 08/12/2017.

Anh Y_NĐ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị K_BĐ; về con có 1 con chung tên Nguyễn Ý KN, sinh ngày 07/02/2012 hiện đang sống chung với anh Y_NĐ, anh Y_NĐ xin được tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản và nợ không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt do mất tích. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho anh Y_NĐ ly hôn với chị K_BĐ; về con giao cho anh Y_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Y_NĐ khởi kiện xin ly hôn với chị K_BĐ, xin được nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật có tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Chị Lê Thị Thúy K_BĐ là bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 03/2017/QĐDS-ST ngày 08/12/2017 nên đây là trường hợp ly hôn do một bên bị mất tích. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị K_BĐ đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị K_BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Y_NĐ và chị K_BĐ kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (là nơi một trong hai người cư trú lúc đó) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Y_NĐ thấy rằng, trong quá trình chung sống anh Y_NĐ và chị K_BĐ phát sinh mâu thuẩn và chị K_BĐ ly thân, bỏ đi biệt tích. Chị K_BĐ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và từ đó đến nay không có tin tức gì. Nay anh Y_NĐ xin ly hôn, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Y_NĐ được ly hôn với chị K_BĐ.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: anh, chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ý KN, giới tính nữ, sinh ngày 07/2/2012, hiện nay anh Y_NĐ đang nuôi dưỡng. Chị K_BĐ đã mất tích, anh Y_NĐ xin được nuôi con là hoàn toàn phù hợp. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho anh Y_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: chị K_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Y_NĐ không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản chung: anh Y_NĐ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: anh Y_NĐ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn N-Y_NĐ với chị Lê Thị Thúy K_BĐ.

2- Về nuôi con chung*:* Giao cháu Nguyễn Ý KN, giới tính nữ, sinh ngày 07/02/2012 cho anh Y_NĐ nuôi dưỡng, chị K_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: anh Nguyễn N-Y_NĐ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0008599 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, anh Y_NĐ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn anh Y_NĐ, vắng mặt bị đơn chị K_BĐ. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-6-2018); bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã VKĐ;
- Các đương sự; LS;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công